TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/02/2024
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tưởng

Ông Nguyễn Thành Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền nhận thay văn bản tố tụng: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh C, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: đường D, phường S, thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/8/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Trần Thanh C kết hôn năm 2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/7/2019).

Sau khi kết hôn do xa cách nên vợ chồng ít gần gũi, chia sẻ và thông cảm lẫn nhau nên có khoảng cách giữa vợ chồng. Chính vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 01/2/2024, bị đơn anh Trần Thanh C trình bày:

Anh và chị H quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn được 02 tháng thì chị H về Hoa Kỳ sinh sống, còn anh sinh sống tại Việt Nam. Đến năm 2021 do dịch bệnh, vợ chồng anh chị không còn thường xuyên gặp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hiện nay anh chị không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh và chị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Thanh C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C trình bày không có. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Được xác định là tranh chấp "Xin ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; Bị đơn anh Trần Thanh C, có quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại: đường D, phường S, thành phố C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1

Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H và anh C có đơn xin vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phú, huyện P, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 10/7/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H và anh C đều có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai, anh chị đều thống nhất cho rằng sau khi kết hôn, anh C sống tại Việt Nam, chị H sống tại Hoa Kỳ nên anh chị ít gần gũi, chia sẻ và thông cảm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn khả năng hàn gắn. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị H, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh C là có thật. Sau khi kết hôn được 02 tháng thì chị H trở về Hoa Kỳ, anh C sống ở Việt Nam, khoảng cách địa lý đã làm tình cảm của anh chị dần phai nhạt, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Khi chị H xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý, cho thấy quan hệ vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Thanh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C tự giải quyết.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích H.

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Trần Thanh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh C tự giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000008 ngày 13/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị Bích H thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã L, CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ